| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 717/2024/HS-PT
Ngày: 26-8-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Thẩm phán:*Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

***- Thư ký phiên tòa****:* ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 261/2024/TLPT- HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Võ Văn S; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Võ Văn S** (tên gọi khác: **Nguyễn Văn N**), sinh năm 1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số B, đường số E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Đoàn Thị T1; có vợ và 01 con; tiền án: ngày 25/7/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 05 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 07/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện cho Võ Văn S, thời gian thử thách là 01 năm 6 tháng 15 ngày kể từ ngày 23/01/2022; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 18/10/2022, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Luật sư Vũ Phi L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. Luật sư Phạm Thị Việt H, thuộc đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt, vắng mặt khi tuyên án.

Cùng địa chỉ: Công ty L2 – số 35 (tầng 4) H, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị hại:* ông Lê Toàn T2, sinh năm 1980. Địa chỉ: E T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Ngô Thị Ngọc L1, sinh năm 1964. Địa chỉ: số B, đường số E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Ông Trần Quốc T3. Địa chỉ: 2 T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc T4, sinh năm 1966. Địa chỉ: 1 T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 18/10/2022, tại quán C, địa chỉ C N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (viết tắt Cơ quan điều tra) lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Võ Văn S về hành vi mạo danh thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy Thành phố H (viết tắt là Lãnh đạo Thành ủy), yêu cầu đại diện Tổng Công ty S2 giao 500.000.000 đồng để trang bị thiết bị và sửa chữa nhà cho Lãnh đạo Thành ủy nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Kết quả điều tra xác định:

Khoảng tháng 9/2022, Võ Văn S sử dụng các số điện thoại 0901697931, 0908192962, giới thiệu tên là "Nam", thư ký của Lãnh đạo Thành ủy, gọi điện thoại cho ông Trần Quốc T3 – Tổng giám đốc Tổng Công ty S2, đề nghị doanh nghiệp tài trợ trang thiết bị để hoàn thiện 02 căn nhà tại tỉnh Tây Ninh và thành phố T cho Lãnh đạo Thành ủy. Nghi vấn đối tượng có dấu hiệu lừa đảo, ông Trần Quốc T3 thông qua Nguyễn Ngọc T4 và Lê Toàn T2 nhân viên Tổng Công ty S2 liên hệ kiểm tra thông tin và các yêu cầu của N.

Ngày 16/9/2022, Lê Toàn T2 và Nguyễn Ngọc T4 gặp Võ Văn S tại quán cà phê trong khu vực N1 (T), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, S xác nhận mình là thư ký của Lãnh đạo Thành ủy và tiếp tục đề nghị tài trợ trang thiết bị sửa chữa để hoàn thiện 02 căn nhà tại tỉnh Tây Ninh và thành phố T như nêu trên. Sau đó, Lê Toàn T2 và S tiếp tục trao đổi qua điện thoại, tin nhắn điện thoại và qua mạng xã hội Zalo với tên đăng nhập của S là "Van", tên đăng nhập của T2 là "LT". Võ Văn S (hay còn gọi là N) gửi 29 danh mục hàng hóa thiết bị các loại yêu cầu T2 đi mua hàng giao cho S.

Ngày 14/10/2022, Võ Văn S gặp Lê Toàn T2 tại quán C (địa chỉ C N, phường V, Quận C) yêu cầu T2 làm 02 phần, phần thứ nhất là cung cấp trang thiết bị, phần thứ hai là sửa chữa, phát sinh tổng cộng là 3,5 tỷ đồng; S hứa hẹn khi đưa

3,5 tỷ đồng sẽ giới thiệu cho T2 làm gói thầu 40 tỷ trong dự án 11.000 tỷ đồng tại Khu công nghệ cao; Nếu T2 muốn "lấy điểm" thì trước mắt trang bị một số hàng hóa tại phòng thờ, điện thoại, máy tính… S tự dùng viết khoanh tròn danh mục và ghi thêm các danh mục yêu cầu T2 cung cấp trước như "Điện thoại samsung G ZFOLD4 (512GB màu kem)" và "8/ Đèn năng lượng mặt trời 12 cái Thứ hai 16 tây giao", đưa về nhà chị của Lãnh đạo Thành ủy tại Đường B, ngay chợ T5; chi phí cho Lãnh đạo Thành ủy cần trước là 500.000.000 đồng.

Xác định hành vi mạo danh thư ký Lãnh đạo Thành ủy, để yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trang thiết bị và hoàn thiện sửa chữa nhà cho mình của Võ Văn S có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lê Toàn T2 đã thu thập dữ liệu điện tử, tài liệu và tố cáo đến Cơ quan điều tra. Ngày 18/10/2022, khi N đang nhận tiền thì bị bắt quả tang như nêu trên.

Kết quả xác minh tại Văn phòng Thành ủy Thành phố H: qua rà soát cán bộ đội ngũ công chức, người lao động tại cơ quan Văn phòng T6, không có người tên Võ Văn S, tên gọi khác là N, là thư ký của Lãnh đạo Thành Ủy Thành phố H;

Kết quả xác minh tại Ban quản lý khu công nghệ cao Thành phố H: Ban quản lý không quen biết, trao đổi, thỏa thuận giao dự án của Ban quản lý cho Võ Văn S cũng như bất kỳ cá nhân khác;

Kết quả xác minh tại Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố H: ngày 14/5/2004, Hiệp hội ký hợp đồng với Võ Văn S vào làm kế toán hiệp hội. Qua thời gian ngắn, thấy thái độ làm việc không bình thường, gây mất đoàn kết nên Hiệp hội đã thẩm tra lý lịch và phát hiện Võ Văn S đã mạo danh lãnh đạo thành phố để xin việc vào hiệp hội. Ngày 27/7/2004, Hiệp hội đã tạm đình chỉ công tác đối với ông Võ Văn S. Trước khi nghỉ việc, Võ Văn S đã lấy đi một số chứng từ kế toán từ tháng 12/2001 đến tháng 3/2004, vu cáo tài chính hiệp hội. Ngày 29/10/2004, Hiệp hội đã quyết định cho thôi việc với Võ Văn S;

Kết quả trích xuất dữ liệu trên máy điện thoại do Lê Toàn T2 sử dụng, thể hiện các thông tin trao đổi giữa Lê Toàn T2 và 02 số điện thoại 0901697931, 0908192962 và Zalo tên "Van" như nội dung đơn tố cáo của Lê Toàn T2;

Kết quả xác minh tại Công ty D khu vực 2: trong thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022, 02 số điện thoại 0901697931, 0908192962 gọi đến cho ông Trần Quốc T3, Nguyễn Ngọc T4 và Lê Toàn T2 được thực hiện cuộc gọi đi chủ yếu từ thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Kết quả xác minh tại Công an phường L, thành phố T: ngày 25/7/2019, Tòa án nhân dân Quận 1 tuyên phạt Võ Văn S 05 năm tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với hành vi mạo danh tương tự là thư ký của lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07/01/2022, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện cho Võ Văn S, thời gian thử thách là 01 năm 6 tháng 15 ngày kể từ ngày 23/01/2022;

Kết quả nhận dạng: Lê Toàn T2 và Nguyễn Ngọc T4 nhận dạng và xác định Võ Văn S là người tiếp xúc, giới thiệu là thư ký của Lãnh đạo Thành ủy để kêu gọi huy động trang thiết bị, sửa chữa nhà cho Lãnh đạo Thành ủy;

Kết quả xác minh tại Công an thành phố T: xe gắn máy nhãn hiệu Honda mang biển số 59X3-16861, có số khung là MH1KF112XHK198612, số máy là KF11E-2195734 do Võ Văn S đứng tên chủ sở hữu.

Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản thu giữ thiết bị ghi hình (camera) tại quán C, địa chỉ C N, phường V, Quận C ghi nhận hình ảnh Võ Văn S nhận tiền của Lê Toàn T2 ngày 18/10/2022.

* Kết quả ghi lời khai bị can và những người liên quan:

- Bị can Võ Văn S: thừa nhận việc sử dụng số điện thoại 0908192962 để liên lạc trao đổi với Lê Toàn T2, giới thiệu mình là thư ký và thừa nhận số tiền 500.000.000 đồng nhận của T2 tại địa chỉ C N, phường V, Quận C. Nhưng S cho rằng việc nhận tài sản nêu trên là thỏa thuận giữa hai bên để S giúp T2 tham gia vào gói thầu 40 tỷ đồng thuộc dự án 11.000 tỷ đồng tại Khu công nghệ cao. Về các nội dung trao đổi qua tin nhắn giữa S và T2: khi trao đổi S xưng là "Sếp" trong các đoạn thoại "*Sếp đang cần điện thoại Samsung, S1 đang đợi…*". Các danh mục trang thiết bị gửi cho T2 nhằm sử dụng phục vụ cho gia đình S.

Liên quan đến gói thầu 40 tỷ thuộc dự án 11.000 tỷ đồng tại khu C, Võ Văn S cho rằng, gói thầu là có thật và dự án là có thật, có người hứa với S sẽ giao dự án cho doanh nghiệp có khả năng. Nhưng S từ chối trả lời chi tiết, cụ thể về gói thầu, dự án này vì đó là bí mật kinh doanh của S.

Lê Toàn T2, người tố giác tội phạm và ông Trần Quốc T3, Nguyễn Ngọc T4 trình bày như nội dung sự việc đã nêu trên;

Ngô Thị Ngọc L1, vợ của bị can Võ Văn S khai: bà kết hôn với Võ Văn S từ năm 1995. Vào khoảng tháng 9/2017, do có nhu cầu mua xe máy nên L1 có đưa cho S số tiền mặt là 70.000.000đ để mua xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario. Do không am hiểu và không có thời gian nên L1 để chồng là Võ Văn S đứng tên, đăng ký biển số 59X3-16861. Số tiền mua xe 70.000.000đ nêu trên là do L1 dành dụm, do Võ Văn S không có nghề nghiệp gì.

* Kết quả trưng cầu giám định:

- Kết luận giám định số 5831/KL-KTHS ngày 27/10/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C1 kết luận: các file âm thanh do Lê Toàn T2 cung cấp trong mẫu cần giám định không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa nội dung. Tiếng nói của người nam được gọi là "anh" trong các file âm thanh cần giám định với tiếng nói của Võ Văn S trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra;

- Kết luận giám định số 343/KL-KTHS ngày 03/4/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C1 về việc dịch nội dung hội thoại, trong 02 file âm thanh do Lê Toàn T2 cung cấp có nội dung thể hiện: Sang tự giới thiệu mình là N, thư ký Lãnh đạo Thành ủy, người sắp xếp lịch làm việc của Lãnh đạo Thành ủy. Sang có khả

năng liên hệ, làm việc với lãnh đạo các Sở ngành như: Sở tài nguyên môi trường, Sở kế hoạch và đầu tư, Sở giao thông vận tải, Sở xây dựng, Sở quy hoạch... S yêu cầu T2 cung cấp trang thiết bị thành 02 phần, phần thứ nhất là cung cấp, phần thứ hai là sửa chữa, phát sinh tổng cộng là 3,5 tỷ đồng. S hứa hẹn khi đưa 3,5 tỷ đồng sẽ giới thiệu cho T2 làm gói thầu 40 tỷ trong dự án 11.000 tỷ đồng tại Khu công nghệ cao. Nếu T2 muốn lấy điểm thì trước mắt trang bị một số hàng hóa tại phòng thờ, điện thoại, máy tính…và S đã tự dùng viết khoanh tròn danh mục và ghi thêm các danh mục yêu cầu T2 cung cấp trước, đưa về nhà chị của Bí thư tại Đường B, ngay chợ T5. Chi phí Lãnh đạo Thành ủy cần trước là 500.000.000 đồng và nhiều thông tin khác...;

- Kết luận giám định số 4112/KL-KTHS ngày 12/5/2023 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: chữ viết *"Điện thoại samsung G ZFOLD4 (512GB màu kem)"* và *"8/ Đèn năng lượng mặt trời 12 cái Thứ hai 16 tây giao"* trên bảng kê hàng hóa gồm 03 trang do Lê Toàn T2 cung cấp cho Cơ quan điều tra với chữ viết của Võ Văn S là do một người viết ra;

- Kết luận giám định số 2432/KL-KTHS ngày 04/5/2023 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: xe gắn máy nhãn hiệu Honda mang biển số 59X3-16861 có số khung nguyên thủy không thay đổi là MH1KF112XHK198612, số máy nguyên thủy không thay đổi là KF11E-2195734;

- Kết luận giám định số 2122/KL-KTHS ngày 10/5/2023 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: Hình ảnh đối tượng cầm túi xách giấy trong tập tin video do Nguyễn Lê Phương U – đại diện nhà khách 33 N, Phường V, Quận C cung cấp và hình ảnh Võ Văn S là cùng một người.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 4 Điều 66; Điều 56 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Văn S 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp 01 năm 6 tháng 15 ngày tù chưa chấp hành của Bản án số 93/2019/HSST, ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 6 (sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý phần tang vật của vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2024, bị cáo S kháng cáo vì bản án sơ thẩm xử quá nặng và cơ quan tố tụng vi phạm tố tụng nên yêu cầu xét xử phúc thẩm lại để bị cáo sớm trở về làm người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phải là lừa đảo bị hại, việc anh T2 đưa tiền cho bị cáo là tự nguyện nên đề nghị hủy án để điều tra lại vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* mặc dù trong suốt quá trình điều tra và xét xử, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm của mình nhưng hành vi phạm tội của bị cáo bị bắt quả tang cùng với tang vật của vụ án và phù hợp với lời khai của bị hại, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* là đúng người, đúng tội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Bị cáo Võ Văn S tự bào chữa:* số tiền 500.000.000đ là do anh T2 tự đưa ra chứ bị cáo không yêu cầu, bị cáo là cộng tác viên của Hiệp hội bất động sản và dự án 40 tỉ đồng là có thật do "sếp" của bị cáo nói nhưng bị cáo không thể nói ra họ là ai vì họ cũng chỉ nói bằng lời nói với bị cáo. Bị cáo thừa nhận bị cáo có nói *"muốn được gói thầu 40 tỉ thì phải thế này thế kia"* và anh T2 tự nói bị cáo khoanh tròn vào các hạng mục giao cho sếp của bị cáo chứ bị cáo không lừa anh T2.

*Luật sư Vũ Phi L trình bày:* bị cáo kêu oan và đã tự bào chữa nên Luật sư không trình bày lại. Tuy nhiên, cần phải xác định bị hại trong vụ án này là ai, vì ông T3 là người được gọi điện và cho nhân viên là ông T2 đi gặp bị cáo và ông T3 bỏ tiền ra để đi cài bị cáo. Trong vụ án này, chính ông T3 là người bị hại nhưng lại xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì lại xác định là bị hại nên cần phải làm rõ số tiền 500.000.000đ là của ai và có thật sự đủ 500.000.000 hay không.

Hồ sơ không có biên bản kiểm đếm tiền, ngày bị bắt quả tang bị cáo, ông T2 cung cấp bản ảnh chụp loại tiền mà nếu nhìn vào bản ảnh thì số tiền này chỉ khoảng 50.000.000đ nên không có chứng cứ xác định số tiền anh T2 đưa cho bị cáo là 500.000.000đ mà chỉ cần không đủ 500.000.000đ thì sẽ ảnh hưởng đến khung hình phạt truy tố, xét xử cho bị cáo

Khi điều tra bổ sung thì cơ quan điều tra làm để đối phó, việc không kiểm đếm tiền đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có thiếu sót nhưng lại nhận định là không làm thay đổi nội dung của vụ án nhưng luật sư cho rằng nếu thật sự không đủ 500.000.000đ mà chỉ có 100.000.000đ thì thì sẽ thay đổi bản chất của vụ án.

Trong quá trình điều tra, bị cáo chỉ có một yêu cầu tha thiết được đối chất và đây là quy định trong tố tụng nhưng không được thực hiện mặc dù đã qua nhiều lần trả hồ sơ để điều tra.

Với những vi phạm tố tụng trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại vụ án.

Luật sư Phạm Thị Việt H không trình bày gì thêm.

*Đại diện Viện kiểm sát tranh luận lại:* Khi bắt quả tang bị cáo đã niêm phong ngay số tiền là 500.000.000đ và sau khi mở niêm phong đã giao trả lại đúng 500.000.000đ cho bị hại. Việc đối chất chỉ thực hiện khi cần thiết nên vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

*Bị cáo nói lời sau cùng:* Bị cáo bị oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Văn S không thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo chỉ thừa nhận sử dụng điện thoại để liên lạc, trao đổi với bị hại Lê Toàn T2, giới thiệu mình là thư ký và thừa nhận bị cáo có nhận số tiền 500.000.000 đồng nhận của T2 tại địa chỉ C N, phường V, Quận C. Bị cáo S cho rằng việc nhận tài sản nêu trên là thỏa thuận giữa hai bên để bị cáo giúp T2 tham gia vào gói thầu 40 tỷ đồng thuộc dự án 11.000 tỷ đồng tại Khu công nghệ cao và đây là gói thầu là có thật và dự án là có thật, có người hứa với bị cáo sẽ giao dự án cho doanh nghiệp có khả năng.

Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp nhân thân, lai lịch của người hứa giao dự án tại Khu công nghệ cao cho bị cáo.

[2] Căn cứ vào các chứng cứ thu thập như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét. biên bản nhận dạng, bản dịch nội dung file ghi âm, các kết luận giám định về âm thanh, hình ảnh, lời thoại, chữ viết của bị cáo, kết quả trích xuất nội dung trao đổi qua điện thoại 0908192962, Zalo giữa bị cáo và bị hại, lời khai cũng như bản tự khai của bị cáo, bị hại tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định:

Bị cáo Võ Văn S tự nhận mình tên N và mạo danh là thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy Thành phố H, có quen biết và có khả năng làm việc với nhiều lãnh đạo sở, ban ngành của thành phố để bị hại tin tưởng và yêu cầu cung cấp trang bị thiết bị và sửa chữa nhà cho lãnh đạo nhưng thực chất không đúng như lời bị cáo nói; khi bị cáo yêu cầu bị hại đưa trước số tiền 500.000.000 đồng thì bị bắt quả tang.

[3] Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng khi thu giữ số tiền bị cáo chiếm đoạt cơ quan tố tụng không lập biên bản kiểm đếm số tiền nên không có căn cứ xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt có đủ 500.000.000đ hay không và trong trường hợp nếu không đủ số tiền 500.000.000đ thì sẽ làm thay đổi khung hình phạt truy tố bị cáo; Hội đồng xét xử nhận thấy: tại biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập tại nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (bút lục 29) có sự tham gia của người bắt, bị hại, người chứng kiến là bảo vệ dân phố, đại diện công an phường và có sự xác nhận của trưởng công an phường và trong biên bản này thể hiện có thu giữ số tiền 500.000.000đ. Biên bản này, bị cáo có ký nháy tên của mình tại phần bị cáo trình bày nhưng không ký tên vào mục người bị bắt nên ngay sau đó, Cơ quan điều tra đã lập Biên bản làm việc "về nội dung Võ Văn S không ký biên bản bắt người phạm tội quả tang" (bút lục 31). Số tiền 500.000.000 đồng thu giữ khi bắt giữ bị cáo cũng được niêm phong, quá trình điều tra cơ quan điều tra tiến hành mở niêm phong theo đúng thủ tục tố tụng hình sự và đã trả lại đủ 500.000.000đ cho bị hại là ông Lê Toàn T2.

Đồng thời, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thừa nhận bị cáo hẹn bị hại tại quán C để nhận số tiền 500.000.000đ, bị cáo vừa nhận gói tiền bị hại giao thì bị bắt quả tang, lời khai của bị cáo về số tiền này phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với số tiền ghi trong Biên bản bắt người phạm tội quả tang và Biên bản mở niêm phong để trả lại cho người bị hại; những người tiến hành thu giữ có văn bản xác nhận đã thực hiện kiểm đếm và xác nhận số tiền trên có sự chứng kiến của bị hại, của những người tiến hành thu giữ nên có đủ căn cứ xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt là 500.000.000đ.

Đối với việc cơ quan tố tụng không lập biên bản kiểm đếm số tiền thu giữ khi bắt bị cáo là có thiếu sót như Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã nhận định là đúng; nhưng sai sót này về mặt thực tế là không thể khắc phục và số tiền bị cáo chiếm đoạt được xác định bằng nhiều chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đã nhận định trên nên thiếu sót này không làm thay đổi nội dung vụ án như Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định là có cơ sở.

[4] Về căn cứ để xác định bị hại trong vụ án: quá trình điều tra bổ sung, ông T3 và ông T2 đều xác nhận số tiền bị cáo chiếm đoạt là của cá nhân ông Lê Toàn T2 nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định ông Lê Toàn T2 là bị hại trong vụ án là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo yêu cầu cần tiến hành đối chất giữa bị cáo với ông T3, ông T2, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình thụ lý, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ hai lần, cơ quan điều tra không tiến hành cho đối chất được nhưng quá trình điều tra thì bị cáo, bị hại T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trần Quốc T3 giữ nguyên và thống nhất lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu đã thu thập để tiến hành xét xử vụ án.

[6] Từ các nhận định trên, xét thấy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Văn S về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận ý kiến của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

[7] Xét hành vi của bị cáo Võ Văn S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng do vụ lợi cá nhân nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại.

[7.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm; Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo là có căn cứ.

[7.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo không thành khẩn khai báo nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội bị bắt quả tang, toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ ngay và đã trả lại cho bị hại. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại cũng không nêu bị thiệt hại gì khác nên cần xác định hành vi phạm tội của bị cáo là chưa gây thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo và tuyên phạt bị cáo 15 năm tù là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định sửa án sơ thẩm, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị giữ nguyên mức án như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[9] Ngoài ra, ngày 25/7/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2019/HSST. Ngày 07/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 02/2022/QĐ-TA tha tù trước thời hạn có điều kiện cho Võ Văn S, thời gian thử thách là 01 năm 6 tháng 15 ngày kể từ ngày 23/01/2022. Xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách nên cần đã áp dụng khoản 4 Điều 66, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của Bản án số 93/2019/HSST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[10] Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được cấp nhận nên bị cáo Võ Văn S phải chịu án phí theo quy định.

[11] Các quyết định kháng của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn S đối với yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra lại; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo.

*Tuyên xử:*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 4 Điều 66; Điều 56 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Văn S 13 (mười ba) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Tổng hợp 01 năm 6 tháng 15 ngày tù chưa chấp hành của Bản án số 93/2019/HS-ST, ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 6 (sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2022.

**2.** Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Võ Văn S phải chịu 200.000 đồng.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG | | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Lê Văn An** | **Nguyễn Thị Thúy Hòa** | **Nguyễn Thị Cúc** |